

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 04 NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG

Đơn vị tính: đồng

St t	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị *	Chỉ tiêu kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện Thương mại	Vận chuyể n*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)							
											Huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành A	Huyện Phụng Hiệp	Huyện Vị Thủy	Huyện Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	Thành phố Ngã Bảy	Thành phố Vị Thanh
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]
1	1. Xi măng	Xi măng Tây Đô PCB40	Bao	TCV N 6260: 2009	50kg	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Việt Nam	Giá xi măng tại Chân công trình trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Không có thông tin		70.370	70.370	70.370	70.370	70.370	70.370	70.370	70.370
		Xi măng Tây Đô PCB40 cao cấp	Bao								70.370	70.370	70.370	70.370	70.370	70.370	70.370	70.370
		Xi măng Hà Tiên 2 - Cần Thơ	Bao								82.470	82.470	82.470	82.470	82.470	82.470	82.470	82.470
2		Vicem Hà Tiên PCB40	Kg	TCV N 6260: 2009	50kg	Xi nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ xi măng Hà Tiên	Việt Nam	Nhận hàng tại Nhà máy Kiên Lương	Không có thông tin		1.184	1.184	1.184	1.184	1.184	1.184	1.184	1.184
		Vicem Hà Tiên đa dụng PCB40	Kg								1.092	1.180	1.180	1.180	1.180	1.180	1.180	1.180
		Vicem Hà Tiên PCB50	Kg								1.472	1.472	1.472	1.472	1.472	1.472	1.472	1.472
		Vicem Hà Tiên PCB40-MS Bền Sun Phát	Kg	TCV N 7711: 2013							1.231	1.231	1.231	1.231	1.231	1.231	1.231	1.231
3		Xi măng CCM Cần Thơ PCB40	Bao	QCV N 16:20 19/T T- BXD	50kg	Công ty TNHH xi măng Cần Thơ - Hậu Giang	Việt Nam	Giá giao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Không có thông tin		73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000
		Xi măng CCM Cần Thơ PCB50	Bao		50kg						83.000	83.000	83.000	83.000	83.000	83.000	83.000	83.000
		Xi măng CCM Cần Thơ xi lò cao PCB PFS 40	Bao		50kg						79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500
		Xi măng CCM Cần Thơ bền SunFat PCB40	Bao		50kg						76.500	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500
		Xi măng CCM Cần Thơ bền SunFat PCB50	Bao		50kg						84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
	2. Cát	Cát nền	M³	TCV N 7570: 2006			Việt Nam	Giá giao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Không có thông tin		230.000	235.000	240.000	242.000	245.000	250.000	240.000	245.000
		Cát xây	M³								276.000	300.000	302.000	302.000	295.000	310.000	302.000	305.000
	3. Đá	Đá 1x2 đen	M³							Tân Quyên								435.000
		Đá 1x2 trắng	M³							Vũng Tàu								455.000

St t	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị *	Chỉ tiêu kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện Thương mại	Vận chuyể n*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)							
											Huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành A	Huyện Phụng Hiệp	Huyện Vị Thủy	Huyện Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	Thành phố Ngã Bảy	Thành phố Vị Thanh
		Đá 1x2 trắng	M ³	TCV N 7570: 2006						Hòn Sóc (Kiên Giang)						445.000		485.000
		Đá 1x2 xám	M ³							Biên Hòa			405.000				405.000	
		Đá 1x2	M ³							Antrac o (An Giang)						450.000		
		Đá 1x2 xám	M ³							Thạnh Phú	373.000	385.000				405.000		
		Đá 1x2 trắng	M ³											465.000	480.000		385.000	
		Đá 4x6 trắng	M ³											445.000	470.000			
		Đá 4x6 trắng	M ³							Hòn Sóc						405.000		465.000
		Đá 4x6 xám	M ³							Biên Hòa			385.000				385.000	
		Đá 4x6	M ³							Tân Uyên								
		Đá 4x6	M ³							Antrac o (An Giang)						435.000		
		Đá 4x6	M ³							Thạnh Phú	354.000	365.000				385.000		
		Đá 0x4	M ³							Châu Thới			375.000				300.000	
		Đá 0x4 loại 1	M ³							Thạnh Phú								425.000
		Đá 0x4 loại 2	M ³							Thạnh Phú								405.000
		Đá 0x4	M ³							Cô tô		373.000						
		Đá học 20x30	M ³							Cô tô								
			M ³							Hòn Sóc						375.000		
		Đá 0x4	M ³							Antrac o (An Giang)						405.000		

St t	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị *	Chỉ tiêu kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện Thương mại	Vận chuyể n*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)													
											Huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành A	Huyện Phụng Hiệp	Huyện Vị Thủy	Huyện Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	Thành phố Ngã Bảy	Thành phố Vị Thanh						
			M ³							Thanh Phú	317.000					345.000								
		Đá mi	M ³							Tân Cang (Đồng Nai)						405.000								
			Đá mi		M ³						Hòn Sóc					365.000								
			Đá mi		M ³						Antrac o (An Giang)					405.000								
					Đá mi					M ³		Thanh Phú	317.000					335.000						
		Đá mi bụi	M ³							Thanh Phú									415.000					
		Đá mi sàng	M ³							Thanh Phú			385.000						465.000					
		Đá mi	M ³							Hòn Sóc			385.000											
		Đá mi xanh	M ³							Châu Thới														
		Đá cấp phối loại 1	M ³							Thanh Phú		402.000						400.000						
1		4. Thép xây	Thép cuộn Ø6mm		Kg					TCV N	Ø6	Thép Pomina - Công ty TNHH TM TM & SX Thép Việt	Việt Nam	Giá giao trên địa bản tỉnh Hậu Giang	Không có thông tin		16.410	16.410	16.410	16.410	16.410	16.410	16.410	16.410
			Thép cuộn Ø8mm		Kg					1651- 1:201 8	Ø8						16.410	16.410	16.410	16.410	16.410	16.410	16.410	16.410
		Thép cuộn Ø10mm	Kg		Ø10	16.550	16.550	16.550	16.550	16.550	16.550						16.550	16.550						
		Thép cây vằn Ø10 SD295A/CB300V	Kg	JIS G311 2:201 0	Ø10	16.510	16.510	16.510	16.510	16.510	16.510						16.510	16.510						
		Thép cây vằn Ø12-Ø20 CB300V	Kg	TCV N 1651- 2:201 8	Ø12- Ø20	16.360	16.360	16.360	16.360	16.360	16.360						16.360	16.360						
		Thép cây vằn Ø10 SD390/CB400V	Kg	JIS	Ø10	16.610	16.610	16.610	16.610	16.610	16.610						16.610	16.610						
		Thép cây vằn Ø12-Ø32 SD390/CB400V	Kg	G311 2:201	Ø12- Ø32	16.460	16.460	16.460	16.460	16.460	16.460						16.460	16.460						
		Thép cây vằn Ø36-Ø40 SD390/CB400V	Kg	0/ TCV	Ø36- Ø40	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260						17.260	17.260						

St t	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị *	Chỉ tiêu kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện Thương mại	Vận chuyể n*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)									
											Huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành A	Huyện Phụng Hiệp	Huyện Vị Thủy	Huyện Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	Thành phố Ngã Bảy	Thành phố Vị Thanh		
		Thép cây vằn Ø10 CB500V/Grade 60	Kg	TCV N	Ø10						16.710	16.710	16.710	16.710	16.710	16.710	16.710	16.710		
		Thép cây vằn Ø12-Ø32 CB500V/Grade 60	Kg	1651- 2:201	Ø12- Ø32						16.560	16.560	16.560	16.560	16.560	16.560	16.560	16.560		
		Thép cây vằn Ø36-Ø40 CB500V/Grade 60	Kg	8/ AST MA	Ø36- Ø40						17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260		
2		Thép cuộn Ø6,0	Kg	CB24 0-		Công ty Thép Tây Đô	Việt Nam	Giá giao trên địa bản tỉnh Hậu Giang	Không có thông tin		14.050	14.050	14.100	14.100	14.130	14.130	14.100	14.130		
		Thép cuộn Ø8,0	Kg	T/CT 2							14.050	14.050	14.100	14.100	14.130	14.130	14.100	14.130		
		Thép thanh vằn Ø10,0	Kg	SD29 5A							14.150	14.150	14.200	14.200	14.230	14.230	14.200	14.230		
		Thép thanh vằn Ø12,0 - Ø18	Kg	CB30 0V/S D295 A							14.150	14.150	14.200	14.200	14.230	14.230	14.200	14.230		
3		Thép vuông hộp ống đen, độ dày 0,95- 2,50mm	Kg	AST M A500- JIS G344 4		Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Vina One	Việt Nam	Kho nhà máy tại ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Không có thông tin		22.091	22.091	22.091	22.091	22.091	22.091	22.091	22.091		
		Thép vuông hộp ống đen, độ dày ≥ 2,55mm	Kg								21.909	21.909	21.909	21.909	21.909	21.909	21.909	21.909	21.909	
		Ống thép đen Ø168-Ø273mm, độ dày 4,00-10,00mmm	Kg								22.091	22.091	22.091	22.091	22.091	22.091	22.091	22.091	22.091	
		Vuông hộp ống kẽm, độ dày 1,00- 2,00mm	Kg								22.727	22.727	22.727	22.727	22.727	22.727	22.727	22.727	22.727	
		Vuông hộp ống kẽm, độ dày 2,05- 3,00mm	Kg								24.636	24.636	24.636	24.636	24.636	24.636	24.636	24.636	24.636	
		Vuông hộp ống kẽm, độ dày 3,00- 5,00mm	Kg								25.091	25.091	25.091	25.091	25.091	25.091	25.091	25.091	25.091	
		Vuông hộp ống kẽm, độ dày > 5,00mm	Kg	BS 1387							25.091	25.091	25.091	25.091	25.091	25.091	25.091	25.091	25.091	
		Ống nhúng nóng Ø21-Ø273mm, độ dày 1,6-2,00mm	Kg								24.818	24.818	24.818	24.818	24.818	24.818	24.818	24.818	24.818	
		Thép hình cán nóng chữ V, U, I	Kg	JIS 3101							18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	
		Xà gồ mạ kẽm C50x100 dày 2,00 ly	Mét	VNO -03							71.575	71.575	71.575	71.575	71.575	71.575	71.575	71.575	71.575	
		Xà gồ mạ kẽm C50x150 dày 2,00 ly	Mét								82.912	82.912	82.912	82.912	82.912	82.912	82.912	82.912	82.912	
		Xà gồ mạ kẽm C75x200 dày 2,00 ly	Mét								106.485	106.485	106.485	106.485	106.485	106.485	106.485	106.485	106.485	
		Xà gồ mạ kẽm C85x250 dày 2,00 ly	Mét	AST M							126.173	126.173	126.173	126.173	126.173	126.173	126.173	126.173	126.173	126.173
		Xà gồ mạ kẽm nhúng nóng C50x100 dày 2,00 ly	Mét								92.485	92.485	92.485	92.485	92.485	92.485	92.485	92.485	92.485	
		Xà gồ mạ kẽm nhúng nóng C50x150 dày 2,00 ly	Mét								109.066	109.066	109.066	109.066	109.066	109.066	109.066	109.066	109.066	

St t	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị *	Chỉ tiêu kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện Thương mại	Vận chuyể n*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)							
											Huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành A	Huyện Phụng Hiệp	Huyện Vị Thủy	Huyện Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	Thành phố Ngã Bảy	Thành phố Vị Thanh
		Xà gỗ mạ kẽm nhúng nóng C75x200 dày 2,00 ly	Mét	A123							129.464	129.464	129.464	129.464	129.464	129.464	129.464	129.464
		Xà gỗ mạ kẽm nhúng nóng C85x250 dày 2,00 ly	Mét								150.719	150.719	150.719	150.719	150.719	150.719	150.719	150.719
1	5. Gạch xây	Gạch ống không nung	Viên	Khôn g có thông tin	8x8x1 8cm	Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Hậu Giang	Việt Nam	Giá giao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Không có thông tin		1.620	1.620	1.620	1.550	1.550	1.550	1.620	1.550
		Gạch thẻ không nung	Viên		4x8x1 8cm						1.440	1.440	1.440	1.300	1.300	1.300	1.440	1.300
2		Gạch ống tuynel (An Giang)	Viên		8x8x1 8cm			Giá giao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang										1.400
		Gạch ống không nung	Viên		8x8x1 8cm								1.760			1.750	1.760	
		Gạch thẻ không nung	Viên		4x8x1 8cm								1.540				1.540	
		Gạch ống tuynel	Viên		8x8x1 8cm												1.200	
		Gạch thẻ tuynel	Viên		4x8x1 8cm												1.550	1.400
		Gạch ống 8x8x18	Viên		8x8x1 8cm											1.350		
		Gạch thẻ 4x8x18	Viên		4x8x1 8cm											1.800		
		Gạch ống 8x8x18cm	Viên		8x8x1 8cm										1.100			
		Gạch đĩnh 4x8x18cm	Viên		4x8x1 8cm										1.100			
		Gạch ống Tuynel 8x8x18cm	Viên		8x8x1 8cm								1.340					
		Gạch thẻ Tuynel 4x8x18cm	Viên		4x8x1 8cm								1.340					
		Gạch thẻ đặc	Viên		4x8x1 8cm						1.150							
		Gạch đề mi	Viên		8x8x9 cm						644					1.500		
		Gạch ống	Viên		8x8x1 9cm							1.058						

St t	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị *	Chỉ tiêu kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện Thương mại	Vận chuyể n*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)							
											Huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành A	Huyện Phụng Hiệp	Huyện Vị Thủy	Huyện Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	Thành phố Ngã Bảy	Thành phố Vị Thanh
		Gạch thẻ Tuynel	Viên		4x8x1 8cm							1.320						
3		Gạch lát	Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: 01/BGTCR 4/2025 ngày 01/4/2025 (kèm theo bảng báo giá)															
4			Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Hậu Giang về việc công bố giá vật liệu ngày 25/10/2024 (kèm theo bảng báo giá sản phẩm)															
5			Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát VIGILACERA về việc công bố giá vật liệu Văn bản số: 30H/VIKD-DA ngày 01/3/2025 (kèm theo bảng báo giá sản phẩm)															
1	6. Tôn	Tôn lợp	Công ty TNHH Tôn Pomina về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: 58/2024-PMN ngày 01/5/2024 (kèm theo công bố giá vật liệu xây dựng)															
2			Công ty cổ phần TĐ Hoa sen – chi nhánh tỉnh Hậu Giang về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số :01_04/HSG/2024 ngày 01/12/2024 của Công ty cổ phần TĐ Hoa sen – chi nhánh tỉnh Hậu Giang (kèm theo dữ liệu giá vật liệu xây dựng)															
1	07. Sơn	Sơn, Bột trét	Công ty TNHH MTV Ngô Gia Kiên Giang về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: 01/2025 ngày 01/01/2025 (kèm theo bảng giá sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng)															
2			Công ty Cổ Phần Sơn Jymec Việt Nam - CN tại TP. HCM về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: 03/2025 ngày 12/3/2025 (kèm theo công bố giá vật liệu xây dựng)															
3			Công ty TNHH Kova Nanopro về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: CV-KOVA/II25-19 ngày 31/3/2025 (kèm theo bảng niêm yết giá)															
4			Công ty Cổ phần L.Q JOTON về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: 25_04_25/SXD-KTVL ngày 31/3/2025 (kèm theo bảng báo giá vật liệu xây dựng)															
1	8. Điện	Dây Điện	Công ty cổ phần dây Cáp điện DAPHACO về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: 10.01 ngày 10/01/2025 (kèm theo bảng niêm yết giá)															
2			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam V/v ban hành giá bán sản phẩm tại Quyết định số 6556/QĐ-K.KDTT ngày 06/10/2024 của Tổng giám đốc công ty (kèm theo bản công bố giá toàn quốc)															
1	9. Nước	Ổng nhựa	Công ty CP nhựa thiêu niên tiền Phong Phía Nam về việc công bố giá vật liệu hiệu lực 14/7/2023 (kèm theo bảng báo giá sản phẩm)															
2		Thiết bị vệ shình	Công ty TNHH LIXIL Việt Nam về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: 04-CT/LXVN ngày 01/5/2024 (kèm theo bảng giá sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng)															
1	10. Nhựa đường	PETROLIMEX	kg													20.000		
2		Bê tông nhựa hạt mịn Cmax 19	Tấn			Công ty cp Tinh Khôi 621 Hậu Giang, phường VII												1.435.200
		Bê tông nhựa hạt mịn Cmax 12.5	Tấn														1.476.800	
		Bê tông nhựa hạt mịn Cmax9.5	Tấn														1.580.800	
3		CarboncorAsphalt	Công ty cổ phần carbon Việt Nam-chi nhánh Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: 1673/2024/CV-TGD ngày 17/12/2024 (kèm theo bảng giá sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng)															
	11. Vải địa kỹ thuật	Vải địa kỹ thuật	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Thái Châu về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: 042025/CV-TC ngày 01/4/2025 (kèm theo bảng niêm yết giá)															
1	12. Bê tông đúc sẵn	Bê tông đúc sẵn	Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Hậu Giang về việc công bố giá vật liệu ngày 25/10/2024 (kèm theo bảng báo giá sản phẩm)															
2			Công ty cổ phần khoa học công nghệ Việt Nam (Busadco) về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: 203/CV-KHCNVN ngày 20/03/2025 (kèm theo bảng giá sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng)															

St t	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị *	Chỉ tiêu kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện Thương mại	Vận chuyể n*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)							
											Huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành A	Huyện Phụng Hiệp	Huyện Vị Thủy	Huyện Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	Thành phố Ngã Bảy	Thành phố Vị Thanh
3	Đúc sẵn		Công ty TNHH SIGEN về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: 17/2025/BG ngày 28/02/2025 (kèm theo bảng giá sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng)															
1	13. Trần	Trần thạch cao	Công ty cổ phần CN Vạn Phát Hưng về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số: VPH01/CV SXD ngày 10/03/2025 (kèm theo bảng giá sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng)															
1	14.Cửa	Cửa nhôm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung về việc công bố giá vật liệu tại Văn bản số:0211/2025/NS-CV ngày 11/02/2025 áp dụng từ ngày 01/02/2025 đến khi có bảng báo giá mới (kèm theo bảng giá sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng)															
Tham khảo giá cát tại Thông báo giá VLXD và trang trí nội thất số: 06/TB-SXD ngày 07 tháng 03 năm 2025 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang																		